

Thông tin tuyển sinh trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 2025

Năm 2025, Đại học Công nghiệp Hà Nội dự kiến tuyển 7.990 chỉ tiêu cho 62 ngành/chương trình đào tạo đại học chính quy theo 5 phương thức tuyển sinh (trong đó có 10 chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh).

Các phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của BGDĐT. (Không giới hạn chỉ tiêu).
- Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo điểm chứng chỉ quốc tế/giải học sinh giỏi kết hợp với điểm tổng kết học bạ cả năm lớp 10,11,12 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển. (Chỉ tiêu dự kiến 10%).
- Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. (Chỉ tiêu dự kiến 80%).
- Phương thức 4 (PT4): Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực năm 2025 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức kết hợp với điểm tổng kết học bạ cả năm lớp 10,11,12 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển. (Chỉ tiêu dự kiến 5%).
- Phương thức 5 (PT5): Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá tư duy năm 2025 do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức kết hợp với điểm tổng kết học bạ cả năm lớp 10,11,12 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển. (Chỉ tiêu dự kiến 5%).

Đối với phương thức 2, 4, 5 thí sinh đăng ký trên cổng <https://xettuyen.hau.edu.vn> dự kiến từ tháng 5/2025 để có dữ liệu đưa vào hệ thống xét tuyển và lọc ảo theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

Thông tin chi tiết sẽ được công bố trong Đề án tuyển sinh đại học năm 2025 (dự kiến trước ngày 15/03/2025).

Danh mục ngành/chương trình đào tạo tuyển sinh năm 2025:

- Chương trình đào tạo Đại học chính quy theo thời gian chuẩn 4 năm, tuyển sinh đối với thí sinh tốt nghiệp THPT, chỉ tiêu 7.990, cấp bằng Cử nhân; từ năm thứ 2 sinh viên

có thể đăng ký học thêm chương trình thứ 2 nếu đủ điều kiện, sinh viên có thể được công nhận tốt nghiệp cùng một lúc 2 chương trình.

TT	Mã ngành/ CTĐT	Tên ngành/chương trình đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu 2025	Dự kiến phương thức xét tuyển	Dự kiến tổ hợp xét tuyển
1	7210404	Thiết kế thời trang	60	PT1, PT2, PT3	D01, D14
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	PT1, PT2, PT3	D01
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100		D01, D04
4	7220204LK	Ngôn ngữ Trung Quốc (Liên kết 2+2 với ĐH KHKT Quảng Tây)	30		
5	7310612	Trung Quốc học	50		
6	7220209	Ngôn ngữ Nhật	70		D01, D06
7	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	70		D01, DD2
8	7229020	Ngôn ngữ học	50		D01, D14
9	7310104	Kinh tế đầu tư	60		PT1, PT2, PT3, PT4
10	7340101	Quản trị kinh doanh	300		
11	7340115	Marketing	120		
12	73401012	Phân tích dữ liệu kinh doanh	120		
13	7340201	Tài chính - Ngân hàng	180		

14	7340301	Kế toán	600		
15	7340301TA	Kế toán (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
16	7340302	Kiểm toán	120		
17	7340404	Quản trị nhân lực	120		
18	7340406	Quản trị văn phòng	120		
19	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	60		
20	74802012	Công nghệ đa phương tiện	60	PT1, PT2, PT3, PT5	A00, A01, <i>*A0C, *A0T</i>
21	7480101	Khoa học máy tính	120		
22	7480101TA	Khoa học máy tính (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
23	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	70		
24	7480103	Kỹ thuật phần mềm	240		
25	7480104	Hệ thống thông tin	120		
26	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	140		
27	7480201	Công nghệ thông tin	360		
28	7480202	An toàn thông tin	40		
29	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	360		

30	7510201TA	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
31	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	300		
32	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	360		
33	7510205TA	Công nghệ kỹ thuật ô tô (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
34	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	120		
35	75102032	Robot và trí tuệ nhân tạo	60		
36	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	420		
37	7510301TA	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
38	75190071	Năng lượng tái tạo	60		
39	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	480		
40	7510302TA	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
41	75103021	Công nghệ kỹ thuật điện tử y sinh	60		
42	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	300		
43	75103031	Kỹ thuật sản xuất thông minh	60		

44	75102012	Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu	60		
45	75102013	Thiết kế cơ khí và kiểu dáng công nghiệp	60		
46	75102033	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử ô tô	60		
47	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	60	PT1, PT2, PT3, PT5	A00, A01, <i>*A0C, *A0T</i>
48	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60		
49	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	210	PT1, PT2, PT3, PT5	A00, B00, C02, D07, <i>*B0C</i>
50	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	50		
51	7540101	Công nghệ thực phẩm	120		
52	7720203	Hóa dược	60		
53	7540203	Công nghệ vật liệu dệt, may	50		
54	7540204	Công nghệ dệt, may	180	PT1, PT2, PT3, PT4	A01, D01, <i>*D0C</i>
55	7810101	Du lịch	140	PT1, PT2, PT3, PT4	D01, D14, D15
56	7810101TA	Du lịch (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
57	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	130		
58	7810103TA	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
59	7810201	Quản trị khách sạn	130		

60	7810201TA	Quản trị khách sạn (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
61	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	60		
62	7810202TA	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (CTĐT bằng tiếng Anh)	40		
		Tổng cộng	7.990		

Dự kiến tổ hợp mới:

*A0C: Toán, Vật lý, Công nghệ.

*A0T: Toán, Vật lý, Tin học.

*B0C: Toán, Hóa học, Công nghệ.

*D0C: Toán, Tiếng Anh, Công nghệ.

*D0G: Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chương trình đào tạo liên thông Đại học chính quy: tuyển sinh đối với người tốt nghiệp Cao đẳng, đăng ký xét tuyển và hoàn thành các học phần còn lại của chương trình đào tạo trình độ Đại học trong khoảng từ 2 - 2,5 năm; Chỉ tiêu dự kiến 250, gồm các ngành/CTĐT: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thông tin.

Chương trình đào tạo cấp bằng Kỹ sư: tuyển sinh đối với người có bằng Cử nhân, đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo Đại học chuyên sâu đặc thù trong khoảng 1 năm; Chỉ tiêu dự kiến 120, gồm các ngành/CTĐT: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông.

Chương trình đào tạo liên kết quốc tế: Sinh viên trúng tuyển nhập học ngành Marketing, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị khách sạn có thể đăng ký theo chương trình liên kết đào tạo 2+2 giữa Đại học Công nghiệp Hà Nội với Đại học Bách khoa Quê Lâm - Trung Quốc, học 2 năm tại Đại học Công nghiệp Hà Nội và 2 năm tại

Đại học Bách khoa Quế Lâm. Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp 2 bằng của Đại học Công nghiệp Hà Nội và Đại học Bách khoa Quế Lâm.

Học bổng: Năm 2025, Đại học Công nghiệp Hà Nội dự kiến cấp học bổng cho sinh viên đại học chính quy có kết quả xét tuyển đầu vào xuất sắc với số tiền khoảng 2 tỷ đồng; học bổng cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc với số tiền *khoảng* 10 tỷ đồng; ngoài ra còn có các loại học bổng doanh nghiệp với số tiền khoảng 30 tỷ đồng.

Tuyển sinh Đại học từ xa:

Dự kiến tuyển 750 chỉ tiêu tuyển sinh đại học từ xa gồm các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn Ngữ Hàn Quốc, Quản trị kinh doanh, Kế toán.

Thông tin chi tiết sẽ được cập nhật trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường trước ngày 15/3/2025.

Tuyển sinh Cao đẳng chính quy:

Dự kiến tuyển sinh 900 chỉ tiêu vào các ngành Cao đẳng chính quy.

Thông tin chi tiết sẽ được cập nhật trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường trước ngày 15/3/2025.